Chi tiết mã HS 9014.80.19

Mã HS	9014.80.19
Mô tả hàng hóa	La bàn xác định phương hướng; các thiết bị và dụng cụ dẫn đường khác / - Thiết bị và dụng cụ khác: / - - Loại dùng trên tàu thuyền, kết hợp hoặc hoạt động cùng với máy xử lý dữ liệu tự động: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	03/11/2026 14:07:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90148019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18039
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18039
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18039
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17349
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17278
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17278
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17278
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17278
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17278
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17278
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17334
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17334

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17334
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17334
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17334
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17334
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17335
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17335
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17335
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17335
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17335
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17335
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17340
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17296
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17292
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17292
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17292
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17292
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17292
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17292
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17338
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17338
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17338
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17338
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17338
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17338
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17400
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17400

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17400
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17400
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17400
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17400
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17376
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17376
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17376
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17376
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17376
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17376
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17371
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17371
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17371
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17371
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17371
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17371
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17401
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17401
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17401
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17401
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17401
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17401
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17400
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17400
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17400
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17400

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17400
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17400
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17494
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17494
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17494
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17494
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17494
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17494
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17494
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17363
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17363
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17363
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17363
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17363
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17363
RCEP B	2022	2022	0	B!D17363
RCEP B	2023	2023	0	B!E17363
RCEP B	2024	2024	0	B!F17363
RCEP B	2025	2025	0	B!G17363
RCEP B	2026	2026	0	B!H17363
RCEP B	2027	2027	0	B!I17363
RCEP C	2022	2022	0	C!D17361
RCEP C	2023	2023	0	C!E17361
RCEP C	2024	2024	0	C!F17361
RCEP C	2025	2025	0	C!G17361
RCEP C	2026	2026	0	C!H17361

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17361
RCEP D	2022	2022	0	D!D17360
RCEP D	2023	2023	0	D!E17360
RCEP D	2024	2024	0	D!F17360
RCEP D	2025	2025	0	D!G17360
RCEP D	2026	2026	0	D!H17360
RCEP D	2027	2027	0	D!I17360
RCEP E	2022	2022	0	E!D17364
RCEP E	2023	2023	0	E!E17364
RCEP E	2024	2024	0	E!F17364
RCEP E	2025	2025	0	E!G17364
RCEP E	2026	2026	0	E!H17364
RCEP E	2027	2027	0	E!I17364
RCEP F	2022	2022	0	F!D17363
RCEP F	2023	2023	0	F!E17363
RCEP F	2024	2024	0	F!F17363
RCEP F	2025	2025	0	F!G17363
RCEP F	2026	2026	0	F!H17363
RCEP F	2027	2027	0	F!I17363
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16281
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16281
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16281
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16281

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9014.80 có 3 dòng thuế; dòng 9014.80.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9014.80.11 Máy dò siêu âm (Sonar) hoặc máy đo sâu hồi âm; 9014.80.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9014.80.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9014.80.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18039), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.